

**KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM TÁC ĐỘNG ĐẾN MẶT NHẬN THỨC
TRONG NĂNG LỰC HƯỚNG NGHIỆP CỦA GIÁO VIÊN BỘ MÔN Ở
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

NGUYỄN THỊ MINH HỒNG*,
NGUYỄN VĨNH KHƯƠNG**, NGUYỄN THỊ DIỄM MY**

TÓM TẮT

Bài viết trình bày kết quả của thực nghiệm tác động đến mặt nhận thức trong năng lực hướng nghiệp (NLHN) của giáo viên bộ môn (GVBM) ở trường trung học phổ thông (THPT) tại Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM). Dựa trên kết quả khảo sát mẫu khách thể thực nghiệm và nhóm đối chứng, bài viết đưa ra sự khác biệt về nhận thức giữa hai nhóm này trong hoạt động hướng nghiệp cho học sinh (HS) THPT. Kết quả cho thấy sau thực nghiệm, nhận thức của GVBM và HS có những chuyển biến rõ nét và theo hướng tích cực.

Từ khóa: nhận thức về giáo dục hướng nghiệp, năng lực hướng nghiệp của giáo viên bộ môn ở trường trung học phổ thông.

ABSTRACT

Results of the experiment on intervening in the perception perspective of the vocational guidance capacity of subject teachers in high schools in Ho Chi Minh City

The article presents results of the experiment on intervening in the perception perspective of the vocational guidance capacity of subject teachers in high schools in Ho Chi Minh City. Based on results of the survey done with the experimental group and the control group, the article introduces the differences in the perception of the two groups in vocational guidance activities for high school students. Results confirm that interventions have had clear and positive impacts on the perception of both subject teachers and students.

Keywords: perception of vocational education, vocational guidance capacity of subject teachers in high school.

1. Đặt vấn đề

Hướng nghiệp hay giáo dục hướng nghiệp ở trường THPT là công tác nhằm phân luồng HS sau tốt nghiệp và định hướng nghề nghiệp cho các em. Đó là quá trình chuẩn bị lựa chọn nghề nghiệp một cách có ý thức và chuẩn bị tính thích ứng nghề trong tương lai.

Giáo dục hướng nghiệp và công tác phân luồng HS sau trung học đã được quán triệt trong các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các cấp, các ngành. Hệ thống các văn bản về giáo dục hướng nghiệp và công tác phân luồng HS sau

* TS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

** ThS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM; Email: nguyenvinhkhuong@gmail.com

trung học đã được ban hành; hệ thống cơ sở giáo dục kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp, dạy nghề đã được quan tâm đầu tư phát triển, thể hiện ở những thành quả đã đạt được về quy hoạch mạng lưới và xây dựng các trung tâm, từng bước phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên (GV).

Kết quả nghiên cứu thực trạng cho thấy cả ba mặt (kiến thức, kỹ năng và thái độ) trong NLHN của GVBM thể hiện sự hạn chế nhất định. Chính vì vậy, việc nghiên cứu lí luận và đặc biệt là thực tiễn các biện pháp thực nghiệm tác động đến mặt nhận thức trong NLHN cho GVBM sẽ thay đổi ra sao? Đây là vấn đề cần phải được quan tâm.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Tổ chức nghiên cứu thực nghiệm

2.1.1. Mục đích thực nghiệm

- Phát triển NLHN của GVBM thông qua các biện pháp đã đề xuất, đặc biệt là thông qua mô hình thực nghiệm được xác lập.
- Khẳng định tính hiệu quả của các biện pháp thực nghiệm cũng như tính khả thi của mô hình thực nghiệm.

2.1.2. Khách thể thực nghiệm

Nghiên cứu tiến hành trên hai nhóm khách thể: Nhóm 1: gồm 52 GVBM ở 3 trường THPT (Võ Minh Đức, Nguyễn Trãi, An Mỹ) và khách thể thuộc nhóm đối chứng là 52 GVBM ở 3 trường THPT (Tân Phước Khánh, Thường Tân, Thái Hòa); và nhóm 2: gồm 76 sinh viên năm 4 ở 3 Khoa (Văn, Sử, Địa) của Trường Đại học sư phạm TPHCM và khách thể thuộc nhóm đối chứng là 76 sinh viên năm 4 ở 3 Khoa (Toán, Lí, Hóa) của Trường Đại học Sư phạm TPHCM. Trong đó, nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng được lựa chọn sao cho có sự tương đồng về điều kiện và những đánh giá ban đầu.

2.1.3. Quá trình thực nghiệm tác động

Quy trình thực nghiệm gồm các giai đoạn sau ứng với thời gian 3 tháng:

- Giai đoạn 1: Khảo sát trước thực nghiệm và chuẩn bị tác động thực nghiệm;
- Giai đoạn 2: Tiến hành thực nghiệm;
- Giai đoạn 3: Đo nghiệm và đánh giá thực nghiệm.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Nhận thức về mức độ cần thiết của việc hướng nghiệp cho HS THPT

Kết quả so sánh về nhận thức của GVBM giữa hai nhóm thực nghiệm và đối chứng ở bảng 2 về mức độ cần thiết của việc hướng nghiệp cho HS THPT cho thấy có sự khác biệt ý nghĩa ở hai mức độ “quan trọng” (Sig.= 0,024 < 0,05) và “rất quan trọng” (Sig. = - 0,05 < 0,05). Điều này có nghĩa là sau thực nghiệm đã có sự khác biệt trong đánh giá của GVBM. Dựa vào tần số cho thấy ở nhóm thực nghiệm không có GVBM nào xác nhận là “phân vân” như nhóm đối chứng, và đặc biệt ở mức “rất quan trọng” có đến 40/52 lựa chọn. Những ý kiến đánh giá của GVBM ở nhóm thực nghiệm đã làm rõ thêm sự chuyển biến về mặt nhận thức của họ sau khi tham gia vào các hoạt động thực nghiệm. Trong các biện pháp được tiến hành thì rõ ràng việc tổ chức tọa đàm

chia sẻ những hậu quả của việc không hướng nghiệp, hướng nghiệp không đầy đủ hoặc hướng nghiệp sai hay trong quá trình tham gia tập huấn các chuyên đề thực nghiệm đã giúp cho GV nhận thức rõ hơn về mức độ cần thiết của việc hướng nghiệp cho HS THPT (xem bảng 1).

Bảng 1. Nhận thức của GVBM và SV về mức độ cần thiết của việc hướng nghiệp cho HS THPT

STT	Mức độ	Tần số				Sig.	
		Nhóm thực nghiệm		Nhóm đối chứng		GVBM	SV
		GVBM	SV	GVBM	SV		
1	Không quan trọng	0	0	0	0	1,32	1,65
2	Ít quan trọng	0	0	0	3	1,45	1,09
3	Phân vân	0	0	5	13	0,45	0,043
4	Quan trọng	12	14	32	42	0,024	0,012
5	Rất quan trọng	40	62	15	18	-0,05	-1,32

Bảng 1 cho thấy có sự khác biệt ý nghĩa giữa ở ba mức độ “phân vân” (Sig.= 0,043 < 0,05), “quan trọng” (Sig.= 0,012 < 0,05) và rõ nét nhất là “rất quan trọng” với Sig.= - 1,32 < 0,05. Dựa vào tần số cho thấy đánh giá của SV ở nhóm thực nghiệm về mức độ cần thiết của việc hướng nghiệp cho HS THPT cũng đã có sự thay đổi nhất định so với nhóm đối chứng. Mặc dù tính hiệu quả không cao so với khách thể là GVBM nhóm thực nghiệm, vẫn còn 5 SV phân vân, nhưng so với SV nhóm đối chứng thì nhóm thực nghiệm vẫn tạo ra sự khác biệt và tỉ lệ cũng tập trung khá cao ở 2 mức “cao” và “rất cao”. Đây là một tín hiệu đáng mừng vì SV vẫn còn nhiều thời gian để học tập trước khi bắt đầu trở thành một GVBM. Rõ ràng sau thời gian thực nghiệm, SV đã có sự khác biệt nhất định trong việc đánh giá mức độ cần thiết của việc hướng nghiệp cho HS THPT. Sự khác biệt về mức độ nhận thức sau thực nghiệm cũng cho thấy tính hiệu quả của các biện pháp thực nghiệm mà đề tài đã đề xuất.

2.2.2. Nhận thức về mục tiêu của hoạt động hướng nghiệp

Hoạt động hướng nghiệp được thực hiện nhằm mục tiêu phát triển và bồi dưỡng phẩm chất nhân cách nghề nghiệp, giúp HS THPT hiểu mình, hiểu yêu cầu của nghề; định hướng đi vào những lĩnh vực mà xã hội đang có yêu cầu. Mục tiêu tổng quát và cuối cùng của công tác hướng nghiệp là giúp HS THPT đưa ra được quyết định chọn nghề đúng đắn, phù hợp với bản thân mình và yêu cầu của xã hội để có thể phát huy khả năng, năng lực của bản thân. Khi tìm hiểu về nhận thức của GVBM và SV về mục tiêu của hoạt động hướng nghiệp cho HS THPT sau thời gian thực nghiệm, kết quả thu được như ở bảng 2 sau đây:

Bảng 2. Nhận thức của GVBM và SV về mục tiêu của hoạt động hướng nghiệp cho HS THPT

STT	Nội dung	Tần số				Sig.	
		Nhóm thực nghiệm		Nhóm đối chứng			
		GVBM	SV	GVBM	SV	GVBM	SV
1	Giúp HS biết về bản thân	0	0	7	13	4,76	0,087
2	Giúp HS hiểu về các ngành nghề	0	0	9	21	1,23	0,038
3	Giúp HS hiểu bản thân và hiểu về các ngành nghề	3	20	13	21	0,012	1,23
4	Giúp HS hiểu bản thân, hiểu về các ngành nghề và các tiêu chí chọn nghề phù hợp	49	56	23	21	0,023	0,049

Kết quả so sánh giữa hai nhóm thực nghiệm và đối chứng ở bảng 2 về mục tiêu của hoạt động hướng nghiệp cho HS THPT cho thấy có sự khác biệt ý nghĩa ở hai nội dung “Giúp HS hiểu bản thân và hiểu về các ngành nghề” (Sig.= 0,012 < 0,05) và “Giúp HS hiểu bản thân, hiểu về các ngành nghề và các tiêu chí chọn nghề phù hợp” (Sig.= 0,023 < 0,05). Dựa vào tần số cho thấy khi trải qua thời gian thực nghiệm thì đánh giá của GVBM có sự biến chuyển khá tích cực, có đến 49 lựa chọn mục tiêu giúp HS hiểu bản thân, hiểu về các ngành nghề và các tiêu chí chọn nghề phù hợp là nội dung đầy đủ nhất. Nhận thức của SV về mục tiêu của hoạt động hướng nghiệp cho HS THPT cũng đã có sự thay đổi ý nghĩa về mặt thống kê ở hai nội dung “Giúp HS hiểu về các ngành nghề” (Sig.= 0,038 < 0,05) và “Giúp HS hiểu bản thân, hiểu về các ngành nghề và các tiêu chí chọn nghề phù hợp” (Sig.= 0,049 < 0,05).

Kết quả thống kê còn cho thấy có sự tương đồng nhất định giữa GVBM và SV sau thời gian thực nghiệm là tỉ lệ lựa chọn mục tiêu đầy đủ nhất chiếm tần số cao nhất. Điều này giúp chúng tôi khẳng định tính hiệu quả của biện pháp bồi dưỡng NLHN cho GVBM và SV, cụ thể là biện pháp tổ chức chuyên đề bồi dưỡng về mặt nhận thức.

2.2.3. Nhận thức của GVBM về một số khái niệm liên quan đến hoạt động hướng nghiệp (xem bảng 3)

Bảng 3. Nhận thức của GVBM và SV về một số khái niệm liên quan đến hoạt động hướng nghiệp cho HS THPT

STT	Khái niệm	Tần số nhận thức đúng				Sig.	
		Nhóm thực nghiệm		Nhóm đối chứng			
		GVBM	SV	GVBM	SV	GVBM	SV
1	Định hướng nghề nghiệp	45	61	25	15	0,023	-2,34
2	Tư vấn nghề nghiệp	42	71	14	11	0,021	-4,31
3	Tuyển chọn nghề nghiệp	50	70	16	17	0,05	0,00

Kết quả thống kê ở bảng 3 về nhận thức của GVBM và SV về một số khái niệm liên quan đến hoạt động hướng nghiệp cho HS THPT cho thấy sau thời gian thực nghiệm, nhận thức của cả GVBM và SV nhóm thực nghiệm đều có sự thay đổi theo hướng tích cực hơn. Cụ thể là trong 3 khái niệm khảo sát “Định hướng nghề nghiệp”, “Tư vấn nghề nghiệp” và “Tuyển chọn nghề nghiệp” đều tạo được sự khác biệt về mặt thống kê. Tần số GVBM và SV lựa chọn đúng khái niệm cao hơn rất nhiều lần so với nhóm đối chứng. Từ đây, có thể nói rằng, các hoạt động thực nghiệm đã đạt hiệu quả cao, kết quả xử lý thống kê đã phản ánh tính hiệu quả rõ rệt của các hoạt động thực nghiệm được tổ chức. Thông qua những hoạt động đó mà GVBM và SV đã thay đổi về nhận thức theo hướng tích cực hơn.

2.2.4. Quan niệm về ý kiến “Đại học không phải là con đường duy nhất bước vào đời”

Các hoạt động thực nghiệm được tổ chức, suy cho cùng là nhằm giúp GVBM và SV nhận thức đúng đắn hơn về các vấn đề có liên quan đến hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho HS THPT. Trong thực tế thời gian gần đây, chúng ta thường nghe nhắc nhiều đến quan niệm “Đại học không phải là con đường duy nhất để bước vào đời” nhưng không phải GVBM nào cũng có thể hiểu được điều này. Chính vì vậy, ở nhóm đối chứng tần số GVBM và SV còn “phân vân” về quan niệm này khá cao. Ở nhóm thực nghiệm, mức độ “phân vân” hay “không đồng ý” chiếm tần số khá hạn chế mà tập trung chủ yếu ở hai mức “đồng ý” và “rất đồng ý” với quan niệm trên. Trong cái nhìn tổng thể, cả GVBM lẫn SV sau khi trải qua các biện pháp thực nghiệm thì nhận định của họ tích cực hơn (xem bảng 4).

Bảng 4. Quan niệm của GVBM và SV về ý kiến
“Đại học không phải là con đường duy nhất bước vào đời”

STT	Mức độ	Tần số				Sig.	
		Nhóm thực nghiệm		Nhóm đối chứng			
		GVBM	SV	GVBM	SV	GVBM	SV
1	Hoàn toàn không đồng ý	0	0	0	4	3,56	0,67
2	Không đồng ý	4	4	4	27	4,32	-0,23
3	Phân vân	2	3	27	28	0,05	0,03
4	Đồng ý	34	45	19	13	0,043	-0,02
5	Rất đồng ý	12	24	2	4	0,06	1,23

Kết quả so sánh giữa hai nhóm đối chứng và thực nghiệm ở GVBM cho thấy có sự khác biệt ý nghĩa thống kê ở hai mức độ “phân vân” (Sig.= 0,05) và “đồng ý” (Sig.= 0,043 < 0,05). Ở SV thì có sự khác biệt ý nghĩa ở ba mức độ “không đồng ý” (Sig.= - 0,23 < 0,05), “phân vân” (Sig.= 0,03 < 0,05) và “đồng ý” (Sig.= - 0,02 < 0,05). Rõ ràng, kết quả so sánh giữa nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm sau thực nghiệm đã có những sự khác biệt đáng kể, theo hướng tích cực hơn.

Từ những kết quả trên đây có thể kết luận rằng, hoạt động thực nghiệm đã có tác dụng tích cực trên nhóm khách thể GVBM và SV. Điều này lần nữa khẳng định tính hiệu quả của các biện pháp thực nghiệm.

2.2.5. *Nhận thức của GVBM về nhiệm vụ của bản thân trong hoạt động hướng nghiệp cho HS (xem bảng 6)*

Kết quả so sánh ở bảng 6 về nhận thức của GVBM và SV về nhiệm vụ của bản thân trong hoạt động hướng nghiệp cho HS THPT cho thấy, sau thời gian thực nghiệm với nhóm biện pháp “*Nâng cao ý thức trách nhiệm và phát huy tối đa vai trò của đội ngũ GVBM ở trường trung học phổ thông đối với công tác hướng nghiệp cho HS*”, cả GVBM (5/5 nội dung) lẫn SV (4/5 nội dung) nhóm thực nghiệm đều có sự thay đổi có ý nghĩa về mặt thống kê.

Bảng 5. *Nhận thức của GVBM và SV về nhiệm vụ của bản thân trong hoạt động hướng nghiệp cho HS THPT*

STT	Nội dung	Tần số				Sig.	
		Nhóm thực nghiệm		Nhóm đối chứng			
		GVBM	SV	GVBM	SV	GVBM	SV
1	Giới thiệu cho HS những ngành nghề có liên hệ trực tiếp với môn học	47	69	21	41	0,001	0,56
2	Tìm hiểu hứng thú về nghề của HS	39	61	12	25	-0,23	-1,05
3	Phối hợp với GV chủ nhiệm giúp HS lựa chọn nghề	50	53	11	12	-1,34	-2,47
4	Tổ chức tham quan hướng nghiệp kết hợp với tham quan môn học	43	43	3	3	-1,37	-0,05
5	Tư vấn hướng nghiệp cho HS khi HS nhờ sự giúp đỡ	51	65	25	32	-0,63	0,049

Sau thực nghiệm ở nhóm GVBM, tất cả 5 nội dung đưa ra khảo sát đều có giá trị Sig. nhỏ hơn mức ý nghĩa 0,05 (“Tổ chức tham quan hướng nghiệp kết hợp với tham quan môn học” với Sig.= -1,37, “Phối hợp với GV chủ nhiệm giúp HS lựa chọn nghề” với Sig.= -1,34, “Tư vấn hướng nghiệp cho HS khi HS nhờ sự giúp đỡ” với Sig.= -0,63, “Tìm hiểu hứng thú về nghề của HS” với Sig.= -0,23 và “Giới thiệu cho HS những ngành nghề có liên hệ trực tiếp với môn học” có Sig.= 0,001). Như vậy, rõ ràng rất nhiều GVBM đã ý thức đầy đủ về nhiệm vụ của bản thân trong công tác hướng nghiệp. Tuy vẫn còn một số ít GVBM chưa nhận thức được công việc này, song đây cũng là một tín hiệu đáng mừng vì chỉ khi nào GVBM ý thức được nó là trách nhiệm của mình

thì GVBM mới có thể chủ động thực hiện.

Kết quả trên cũng tương tự ở nhóm khách thể SV, chỉ có nội dung “Giới thiệu cho HS những ngành nghề có liên hệ trực tiếp với môn học” là không có ý nghĩa thống kê (Sig.= 0,56 > 0,05), các nội dung còn lại đều có ý nghĩa thống kê và số lượng SV nhóm thực nghiệm ý thức rõ nhiệm vụ của mình cũng cao hơn rất nhiều lần so với nhóm đối chứng.

Những đánh giá của nhóm thực nghiệm đã làm rõ thêm sự chuyển biến ở mặt nhận thức về nhiệm vụ của họ sau khi tham gia vào các hoạt động thực nghiệm. Có thể, với biện pháp 1 được đề xuất là xây dựng mô hình công việc của GVBM, trong đó có công việc hướng nghiệp cho HS THPT đã góp phần ảnh hưởng đến GVBM và SV ở nhóm thực nghiệm nên đã giúp cho GVBM và SV nhận thức rõ hơn về điều này. Kết quả xử lý thống kê đã phản ánh tính hiệu quả rõ rệt của các hoạt động thực nghiệm được tổ chức.

2.2.6. Nhận thức về một số lí thuyết hướng nghiệp (xem bảng 6)

Bảng 6. Nhận thức của GVBM và SV về một số lí thuyết hướng nghiệp trong hoạt động hướng nghiệp cho HS THPT

STT	Nội dung	Tần số				Sig.	
		Nhóm thực nghiệm		Nhóm đối chứng		GVBM	SV
		GVBM	SV	GVBM	SV		
1	Quy trình hướng nghiệp	50	68	24	21	-1,27	-0,32
2	Lí thuyết cây nghề nghiệp	45	65	2	1	-4,56	-5,34
3	Mô hình lập kế hoạch nghề	21	22	3	2	0,03	-3,45
4	Lí thuyết hệ thống	26	43	5	1	0,06	0,004
5	Lí thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch	27	39	3	1	- 0,76	- 0,45
6	Lí thuyết vị trí điều khiển	31	36	1	2	-1,34	-1,04
7	Mô hình chìa khóa xây dựng kế hoạch nghề nghiệp	36	45	3	0	-3,21	-0,48

Kết quả thống kê ở bảng 6 về nhận thức của GVBM và SV về một số lí thuyết hướng nghiệp trong hoạt động hướng nghiệp cho HS THPT cho thấy, sau thời gian thực nghiệm, nhận thức của cả GVBM lẫn SV đều có sự chuyển biến khá tích cực. Trước tiên, tần số lựa chọn ở nhóm thực nghiệm chiếm tỉ lệ cao hơn rất nhiều so với lựa chọn của nhóm đối chứng. Bên cạnh đó, kết quả so sánh ở nhóm thực nghiệm và đối chứng về 7 lí thuyết đưa ra khảo sát đều có sự khác biệt ý nghĩa thống kê (trừ lí thuyết hệ thống ở nhóm GVBM có Sig.= 0,06 > 0,05). Trong 7 lí thuyết về hướng nghiệp, với GVBM nhóm thực nghiệm, xếp theo mức độ từ cao xuống thấp là quy trình hướng nghiệp, lí thuyết cây hướng nghiệp, mô hình chìa khóa xây dựng kế hoạch nghề

ng nghiệp, lí thuyết vị trí điều khiển, lí thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch, lí thuyết hệ thống, mô hình lập kế hoạch nghề. Còn ở SV lần lượt là: quy trình hướng nghiệp, lí thuyết cây hướng nghiệp, mô hình chìa khóa xây dựng kế hoạch nghề nghiệp, lí thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch, lí thuyết vị trí điều khiển, mô hình chìa khóa xây dựng kế hoạch nghề nghiệp, lí thuyết hệ thống, mô hình lập kế hoạch nghề. Như vậy, trong tất cả 7 lí thuyết về hướng nghiệp được quan tâm, GVBM và SV nhóm thực nghiệm có sự hiểu biết nhiều nhất về quy trình hướng nghiệp, lí thuyết cây hướng nghiệp. Điều này khá phù hợp, vì một mặt đây là hai lí thuyết quan trọng nhất của hướng nghiệp, đồng thời cũng là hai nội dung được giảng viên tập huấn nhiều nhất trong các lí thuyết về hướng nghiệp ở mô hình thực nghiệm.

2.2.7. Nhận thức của đội ngũ GVBM ở trường THPT về tư vấn hướng nghiệp

2.2.7.1. Nhận thức của GVBM về các bước tư vấn hướng nghiệp

Việc định hướng nghề nghiệp cho HS phổ thông được xem là bước khởi đầu quan trọng trong quá trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Các bước của quá trình tư vấn hướng nghiệp cần được đảm bảo thực hiện đúng quy trình. Chính vì vậy, đòi hỏi ở những người làm công tác hướng nghiệp, đặc biệt là đội ngũ GVBM ở các trường THPT phải nhận thức được các bước tư vấn hướng nghiệp cho HS để đảm bảo hiệu quả thực hiện tốt nhất. Khi tìm hiểu về nhận thức của GVBM và SV về các bước hướng nghiệp cho HS THPT sau thời gian thực nghiệm, kết quả thu được như ở bảng 7 sau đây:

Bảng 7. Nhận thức của GVBM và SV về các bước tư vấn hướng nghiệp trong hoạt động hướng nghiệp cho HS THPT

STT	Nội dung	Tần số				Sig.	
		Nhóm thực nghiệm		Nhóm đối chứng		GVBM	SV
		GVBM	SV	GVBM	SV		
1	Giúp HS nhận thức bản thân - Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp - Tìm hiểu nghề nghiệp	1	2	15	21	0,08	0,1
2	Giúp HS nhận thức bản thân - Tìm hiểu nghề nghiệp - Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp	50	70	14	11	0,02	0,046
3	Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp - Tìm hiểu nghề nghiệp - Giúp HS nhận thức bản thân	1	0	9	13	1,2	3,1
4	Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp - Giúp HS nhận thức	0	0	8	10	1,2	4,76

	bản thân - Tìm hiểu nghề nghiệp						
5	Tìm hiểu nghề nghiệp - Giúp HS nhận thức bản thân - Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp	0	3	2	9	1,23	0,07
6	Tìm hiểu nghề nghiệp - Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp - Giúp HS nhận thức bản thân	0	1	4	12	2,34	0,35

Kết quả so sánh về nhận thức của GVBM và SV giữa hai nhóm đối chứng và thực nghiệm có sự khác biệt ý nghĩa thống kê ở bước đúng “Giúp HS nhận thức bản thân - Tìm hiểu nghề nghiệp - Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp” (GVBM có giá trị Sig.= 0,02 < 0,05 và SV có Sig.= 0,046 < 0,05). Xem xét dựa vào tần số lựa chọn cho thấy cả GVBM và SV ở nhóm thực nghiệm có tần số lựa chọn tập trung ở nội dung này rất cao. Đây cũng chính là nội dung phản ánh chính xác các bước của quá trình tư vấn hướng nghiệp. Rõ ràng sau thực nghiệm, nhận thức của GVBM và SV có sự cải thiện đáng kể. Kết quả này cho phép khẳng định rằng các biện pháp thực nghiệm đã thật sự mang lại hiệu quả trong nhận thức của nhóm thực nghiệm.

2.2.7.2. Nhận thức về yếu tố quan trọng nhất ở bản thân HS khi tư vấn hướng nghiệp cho HS

Thực tế cho thấy một quyết định chọn nghề đúng đắn phải xuất phát từ năng lực, sở thích, tính cách của HS cộng với những thông tin về nghề như yêu cầu nghề nghiệp, nhu cầu xã hội... Để làm được điều đó thì HS phải hiểu rõ về bản thân mình, xác định đúng khả năng và sở thích thật sự của mình. Thông thường thì HS tự làm điều này nhưng nếu có sự hỗ trợ từ phía GVBM thì sẽ giúp ích cho các em rất nhiều. Việc nhận thức được yếu tố quan trọng nhất ở bản thân HS khi tư vấn hướng nghiệp đóng vai trò rất cần thiết. Thế nhưng không phải GVBM nào cũng nhận thức rõ yếu tố này. Chúng tôi tiến hành thực nghiệm và kết quả thu được như ở bảng 8 sau đây:

Bảng 8. Nhận thức của GVBM và SV về yếu tố quan trọng nhất ở bản thân HS khi tư vấn hướng nghiệp

STT	Yếu tố	Tần số				Sig.	
		Nhóm thực nghiệm		Nhóm đối chứng		GVBM	SV
		GVBM	SV	GVBM	SV		
1	Sở thích	2	3	24	38	4,56	0,23
2	Năng lực	49	70	15	16	-0,23	-0,34
3	Tính cách	1	2	10	18	2,45	0,98
4	Giá trị nghề	0	1	3	4	1,49	2,94

Số liệu thống kê ở bảng 8 về nhận thức của hai nhóm đối chứng và thực nghiệm về yếu tố quan trọng nhất ở bản thân HS khi tư vấn hướng nghiệp cho thấy ở nhóm đối chứng tần số lựa chọn dần trải ở cả bốn yếu tố và tập trung chủ yếu ở “sở thích”. Ở nhóm thực nghiệm, tần số lựa chọn tập trung chủ yếu ở yếu tố “năng lực” (GVBM có 49/52 lựa chọn chiếm 94,2% và SV có 70/76 lựa chọn chiếm 92,1%). Rõ ràng “sở thích” và “năng lực” là hai yếu tố vô cùng quan trọng khi hướng nghiệp cho HS. Nhưng khi phải lựa chọn một trong hai thì yếu tố quan trọng nhất phải là năng lực. Kết quả thống kê có sự khác biệt ý nghĩa về yếu tố năng lực ở cả nhóm khách thể GVBM lẫn SV (GVBM có giá trị Sig.= -0,23 < 0,05 và SV có Sig.= -0,34 < 0,05) phần nào cho thấy sự đúng đắn về mặt nhận thức của nhóm thực nghiệm.

2.2.8. *Quan niệm về ý kiến: “Dạy - học các môn văn hóa là một trong những con đường hướng nghiệp cho HS” (xem bảng 9)*

Kết quả thống kê ở bảng 9 về quan niệm của nhóm đối chứng về ý kiến: “Dạy - học các môn văn hóa là một trong những con đường hướng nghiệp cho HS” cho thấy tần số GVBM và SV nhóm đối chứng còn “phân vân” chiếm tỉ lệ khá cao (gần 1/2 số khách thể), trong khi đó nhóm thực nghiệm thì “phân vân” có tần số lựa chọn rất thấp (GVBM là 3/52 và SV là 8/76). Có lẽ chính vì vậy mà có sự khác biệt ý nghĩa thống kê ở mức “phân vân” (GVBM có giá trị Sig.= 0,042 < 0,05 và SV có Sig.= 0,023 < 0,05). Kết quả thống kê còn cho thấy nhóm thực nghiệm lựa chọn mức “đồng ý” và “rất đồng ý” với quan niệm trên chiếm tần số khá cao.

Bảng 9. *Quan niệm của GVBM và SV về ý kiến: “Dạy - học các môn văn hóa là một trong những con đường hướng nghiệp cho HS”*

STT	Mức độ	Tần số				Sig.	
		Nhóm thực nghiệm		Nhóm đối chứng		GVBM	SV
		GVBM	SV	GVBM	SV		
1	Hoàn toàn không đồng ý	0	0	0	2	5,67	1,24
2	Không đồng ý	0	0	4	11	4,67	0,76
3	Phân vân	3	8	24	35	0,042	0,023
4	Đồng ý	34	38	23	25	0,05	0,85
5	Rất đồng ý	15	30	1	3	0,09	-0,47

Rõ ràng khi được tác động bởi việc tổ chức chuyên đề bồi dưỡng kiến thức hướng nghiệp và giáo dục hướng nghiệp cho đội ngũ GVBM ở trường THPT và chuyên đề tích hợp các nội dung hướng nghiệp vào một số môn học cho đội ngũ GVBM ở trường THPT thì kết quả nghiên cứu có sự khác biệt đáng ghi nhận. Kết quả so sánh giữa hai nhóm đối chứng và thực nghiệm cho thấy có sự khác biệt ý nghĩa. Ở nhóm khách thể GVBM có sự khác biệt ý nghĩa ở mức “đồng ý” với Sig.= 0,05 và nhóm khách thể SV có sự khác biệt ý nghĩa ở mức “rất đồng ý” với Sig.= -0,47 < 0,05.

2.2.9. Đánh giá chung về NLHN thông qua mặt nhận thức (xem bảng 10)

Bảng 10. Đánh giá chung về NLHN thông qua mặt nhận thức của GVBM và SV sau thực nghiệm

STT	Mức độ	Tần số				Sig.	
		Nhóm thực nghiệm		Nhóm đối chứng			
		GVBM	SV	GVBM	SV	GVBM	SV
1	Rất cao	15	12	1	0	-0,23	0,012
2	Cao	29	35	6	4	0,043	0,265
3	Trung bình	7	25	29	38	-1,25	0,34
4	Thấp	1	4	15	34	1,65	0,024
5	Rất thấp	0	0	1	0	1,32	1,32

Số liệu thống kê tìm được ở nhóm đối chứng khi đánh giá chung về NLHN thông qua mặt nhận thức của GVBM và SV có sự dàn trải ở tất cả các mức độ. Trong đó, cả GVBM và SV đều tập trung ở hai mức “trung bình” và “thấp”. Kết quả thống kê ở nhóm thực nghiệm có sự khác biệt nhất định. Cụ thể:

- Đánh giá chung về NLHN thông qua mặt nhận thức của GVBM ở mức “cao” là chủ yếu (29/52 chiếm 55,8%), kế đến là mức “rất cao” (15/52 chiếm 28,8%) và mức “trung bình” chiếm tần số khá thấp (7/52 chiếm 13,5%). Kết quả thống kê này cũng tạo ra sự khác biệt ở ba mức “rất cao” (Sig.= -0,23 < 0,05), “cao” (Sig.= 0,043 < 0,05) và “trung bình” (Sig.= -1,25 < 0,05) ở mức ý nghĩa 0,05 so với nhóm đối chứng.

- Có sự đánh giá khá tương đồng với nhóm khách thể thực nghiệm là GVBM, nhóm SV thực nghiệm cũng có tần số tập trung chủ yếu ở mức cao (35/76 chiếm 46,1%). Kết quả so sánh của SV giữa hai nhóm đối chứng và thực nghiệm cho thấy sự khác biệt ý nghĩa thống kê ở hai mức “rất cao” (Sig.= 0,012 < 0,05) và “thấp” (Sig.= 0,024 < 0,05).

3. Kết luận

Như vậy, kết quả so sánh giữa hai nhóm đối chứng và thực nghiệm về mặt nhận thức có sự khác biệt đáng kể. Sau thực nghiệm, nhận thức của GVBM và SV về mức độ cần thiết, mục tiêu, một số khái niệm liên quan, một số lí thuyết hướng nghiệp, các bước của hoạt động tư vấn hướng nghiệp hay nhiệm vụ của bản thân trong hoạt động hướng nghiệp cho HS có những chuyển biến rõ nét và theo hướng tích cực. Kết quả này cho phép kết luận rằng các biện pháp thực nghiệm tác động đến nhận thức của GVBM và SV mà đề tài đề xuất là có hiệu quả và lần nữa khẳng định tính giá trị của các biện pháp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Tất Dong (chủ biên) (2012), *Tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học cơ sở*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
2. Mai Ngọc Luông (2006), *Thực trạng công tác tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trường phổ thông bậc trung học ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Sở Khoa học và Công nghệ TPHCM.
3. Trần Thị Thu Mai (2010), “Hoạt động của phòng tư vấn tâm lí - giáo dục - hướng nghiệp ở trường phổ thông”, *Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm TPHCM*, 1/2010.
4. Đào Thị Oanh (2004), “Nghiên cứu xu hướng nghề nghiệp của học sinh trung học”, *Tạp chí Tâm lí học*, số 7, tr.21-27.
5. Huỳnh Văn Sơn (2010), *Một số biện pháp nâng cao hiệu quả công tác hướng nghiệp cho học sinh cuối cấp Trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông tỉnh Bình Dương giai đoạn 2010 - 2015*, Đề tài Khoa học Công nghệ tỉnh Bình Dương.
6. C. P. Rao (1998), *Globalization, Privatization and Free Market Economy*, Westport, CT: Quorum Books.
7. David G.Myers (2001), *Psychology*, Ford Edition, Worth Publisher.
8. Janice M.Gueriero (1998), Robert Glenn, *Key questions in Career Counseling*, Lawrence Erlbaum Association, Inc.
9. John W.Syantrock (2006), *Psychology*, Sixth Edition, MC Graw Hill.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 21-01-2016; ngày phản biện đánh giá: 29-02-2016;
ngày chấp nhận đăng: 20-4-2016)